FireAnt

Tổng Công ty cơ khí xây dựng - CTCP (UPCOM: TCK)

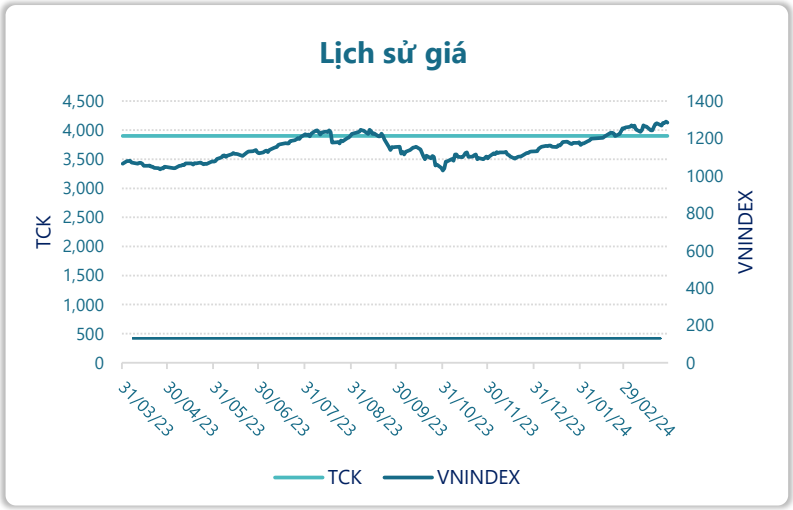

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,900
SL cổ phiếu LH	23,850,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	93
P/E	-25.6
EPS	-152

DT thuần

Q1/24

43.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼104| -70.7%

YoY: ▼47.2| -52.3%

LN sau thuế

Q1/24

-2.57

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.88| -296%

YoY: ▼0.53| -25.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

-2.0%

+/- YoY: ▼ 5.6%

DT thuần

2023

295

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.00| -2.6%

LN sau thuế

2023

-23.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼19.5| -544%

ROE

2023

15.8%

+/- YoY: ▲ 10.7%

Kết quả kinh doanh

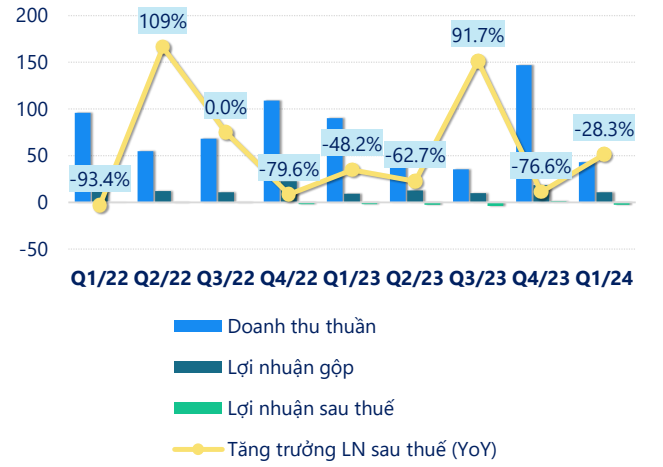

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

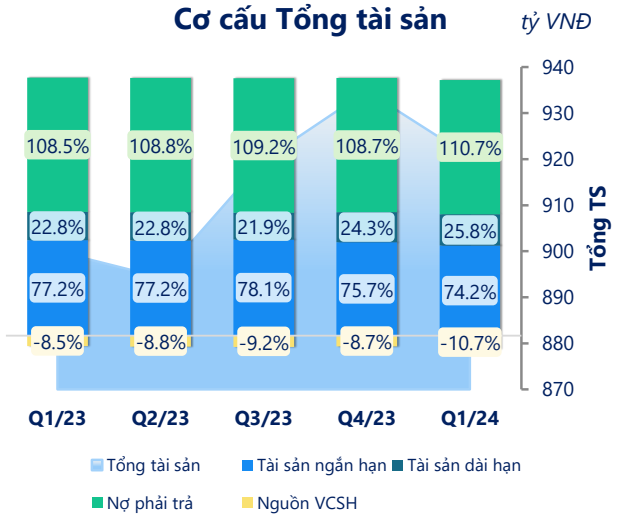

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

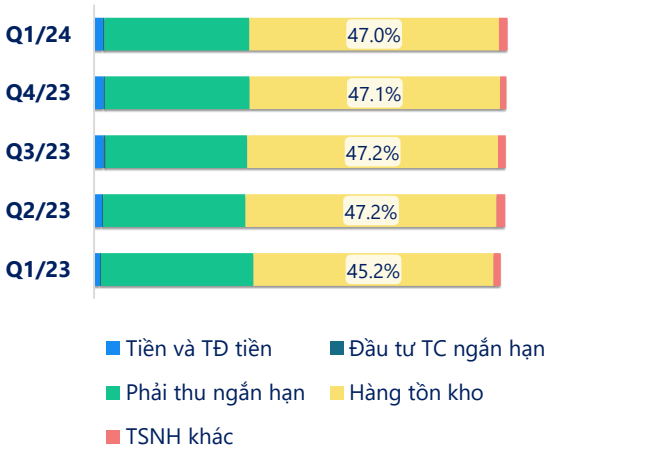

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

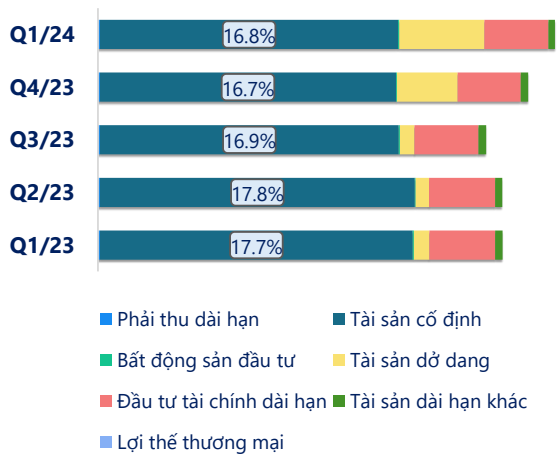

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

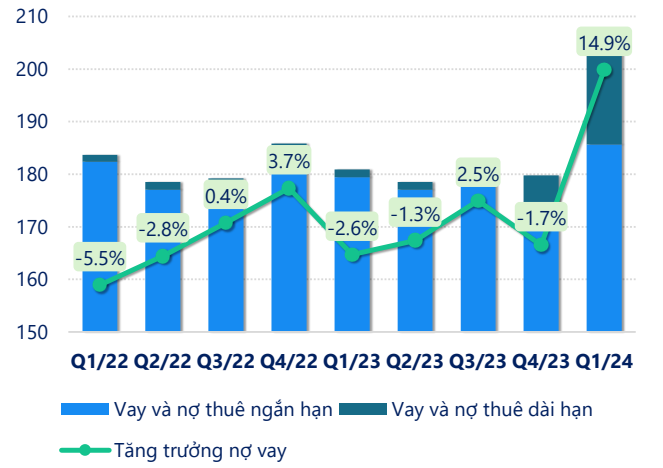

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

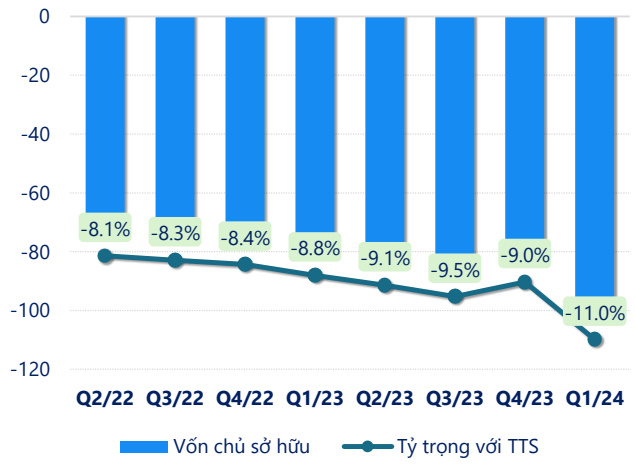

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

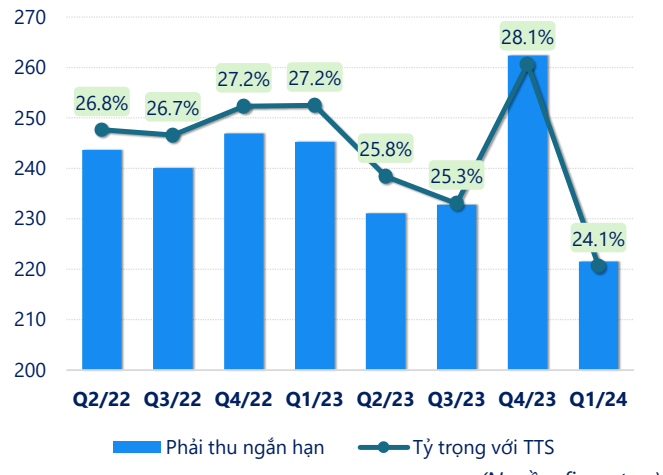

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

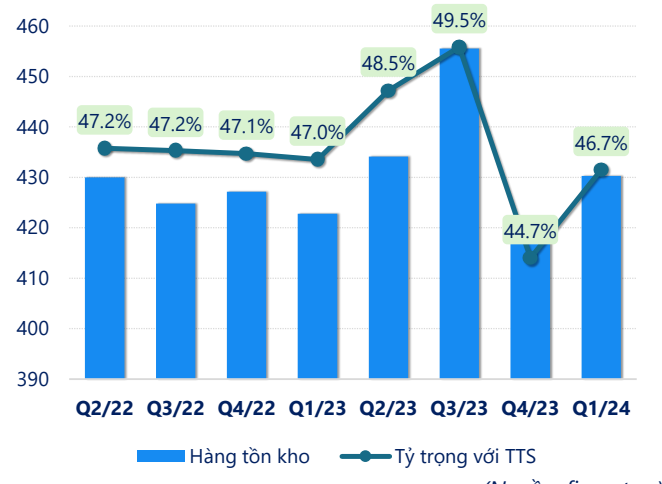

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

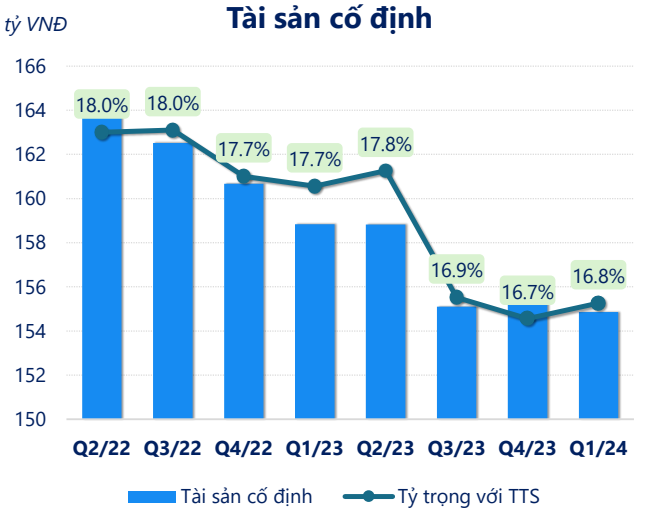

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

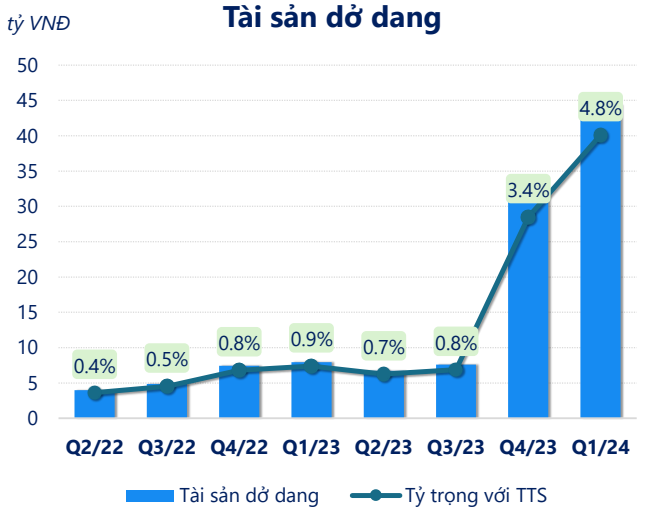

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

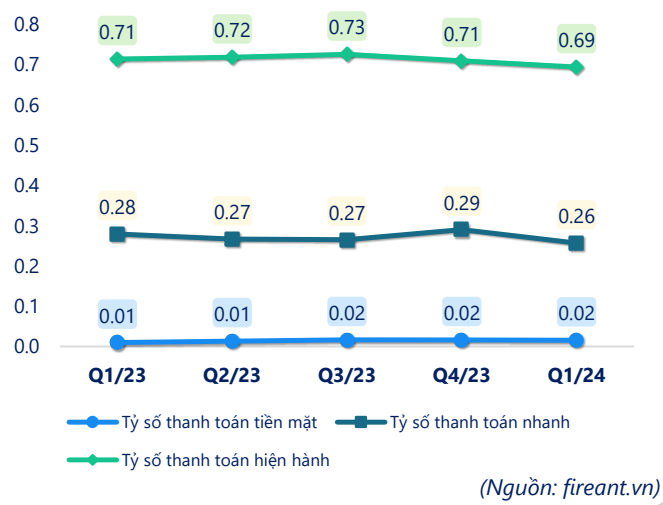

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

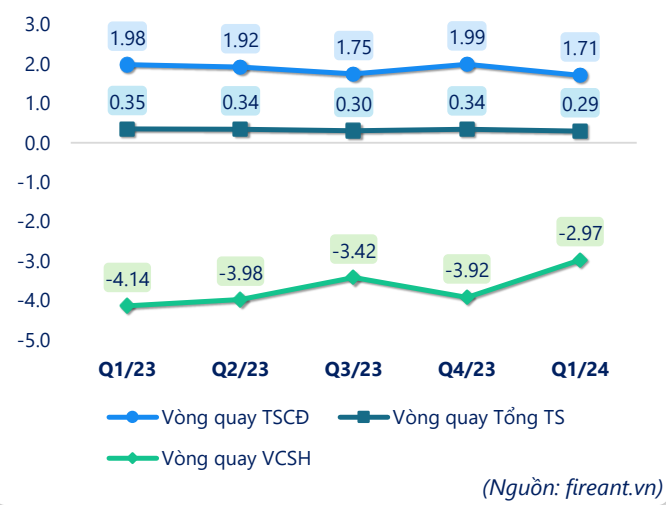

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**900**	**894**	**920**	**935**	**921**
Tài sản ngắn hạn	**695**	**690**	**718**	**708**	**683**
Tiền và tương đương tiền	9.55	13.1	16.4	16.5	15.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.38	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	245	231	233	262	222
Hàng tồn kho	423	434	456	418	430
Tài sản ngắn hạn khác	14.6	12.1	13.6	10.9	15.9
Tài sản dài hạn	**205**	**204**	**202**	**227**	**237**
Phải thu dài hạn	1.02	1.02	1.02	1.02	1.08
Tài sản cố định	159	159	155	156	155
Bất động sản đầu tư	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
Tài sản dở dang	7.95	6.69	7.59	32.0	44.3
Đầu tư tài chính dài hạn	33.3	33.3	33.3	33.3	33.3
Tài sản dài hạn khác	3.74	3.60	3.98	3.79	3.37
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**976**	**973**	**1,005**	**1,016**	**1,019**
Nợ ngắn hạn	**972**	**961**	**990**	**998**	**984**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	179	177	181	174	186
Phải trả người bán ngắn hạn	123	107	117	167	127
Nợ dài hạn	4.00	11.9	14.7	18.4	34.7
Vay và nợ thuê dài hạn	1.48	1.48	1.48	5.98	21.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-76.4**	**-78.9**	**-84.8**	**-81.5**	**-98.3**
Vốn chủ sở hữu	**-79.2**	**-81.7**	**-87.6**	**-84.4**	**-101**
Vốn điều lệ	239	239	239	239	239
Kinh phí và quỹ khác	2.88	2.88	2.88	2.88	2.88

(Nguồn: fireant.vn)